

THÔNG BÁO

Công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Công văn số 1706/STP-HCTP&BTTP ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Sở Tư pháp Quảng Bình về việc hướng dẫn triển khai Thông tư số 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình Tạo quỹ đất Khu dân cư phía Đông đường Hà Huy Tập, tổ dân phố 6, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới;

Căn cứ Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của UBND thành phố Đồng Hới Về việc đấu giá quyền sử dụng 63 thửa đất ở thuộc Dự án tạo quỹ đất Khu dân cư phía Đông đường Hà Huy Tập, tổ dân phố 6, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 3384/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Đồng Hới về việc phê duyệt giá đất cụ thể và giá khởi điểm 63 thửa đất ở thuộc Dự án tạo quỹ đất Khu dân cư phía Đông đường Hà Huy Tập, tổ dân phố 6, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới (đợt 1);

Trung tâm Phát triển quỹ đất thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

1. Tên địa chỉ của người có tài sản bán đấu giá:

Tên đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: Tầng 6 Sở Tài nguyên và Môi trường - số 105 đường Hữu Nghị, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:

- Tên tài sản: Quyền sử dụng đất ở thuộc Dự án tạo quỹ đất Khu dân cư phía Đông đường Hà Huy Tập, tổ dân phố 6, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới (đợt 1);

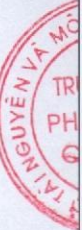
- Số lượng: 63 thửa đất ở, diện tích: 9.767,4 m²;

- Giá khởi điểm: 56.350.500.000 đồng;

- Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị.

- Thời hạn sử dụng: Lâu dài

(Có thông tin các thửa đất kèm theo).



3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá

Các tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp và các tiêu chí khác do Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình quy định, cụ thể như sau:

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

- Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)

- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín tổ chức đấu giá tài sản.

- Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp .

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

- Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá (năng lực thực tiễn thông qua các Hợp đồng dịch vụ đấu giá và Báo cáo kết quả đấu giá do đơn vị thực hiện từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản).

4. Phương thức lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

- Phương thức: Dựa trên khung điểm do Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành trước thời điểm mở niêm phong hồ sơ lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

- Mức điểm tối đa là 100 điểm

Đơn vị được lựa chọn là đơn vị có số điểm cao nhất.

- Các trường hợp người có tài sản đấu giá từ chối đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của tổ chức đấu giá tài sản:

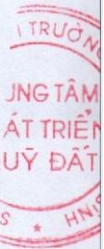
+ Người sở hữu tài sản, người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền bán đấu giá tài sản, người có quyền đưa tài sản ra bán đấu giá theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản là vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh của doanh nghiệp đấu giá tài sản.

+ Người sở hữu tài sản, người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền bán đấu giá tài sản, người có quyền đưa tài sản ra bán đấu giá theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản là cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của tổ chức đấu giá tài sản đó thông qua sở hữu, đầu tư góp vốn hoặc thông qua việc ra quyết định của tổ chức đấu giá tài sản đó.

+ Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Thành phần hồ sơ tham gia

- Đơn, văn bản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản kèm phương án đấu giá (bản chính).



- Báo cáo, tổng hợp về việc thực hiện công tác đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá tài sản.

- Tổ chức đấu giá tài sản cung cấp giấy đăng ký hoạt động, quyết định thành lập để chứng minh thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá của tổ chức đấu giá.

- Thẻ đấu giá viên hoặc giấy xác nhận của Sở Tư pháp trong trường hợp đấu giá viên cấp đổi Thẻ theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, Nghị định số 62/2017/NĐ-CP và Thông tư số 23/2010/TT-BTP để chứng minh số lượng đấu giá viên, thời gian hành nghề đấu giá của đấu giá viên.

- Toàn bộ hồ sơ được xác nhận và đóng dấu niêm phong của tổ chức đấu giá tài sản.

- Bản cam kết phong tỏa tài khoản tại ngân hàng của tổ chức đấu giá tài sản (bản gốc).

6. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia

Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

- Thời gian nhận hồ sơ: từ 08 giờ 30 phút ngày 27/7/2022 đến 08 giờ 30 phút ngày 02/8/2022 (Trong giờ hành chính các ngày làm việc).

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Định giá đất Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình.

- Địa chỉ: Tầng 6, số 105 đường Hữu Nghị, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Điện thoại liên hệ: 0232.3851332

- Hình thức nộp hồ sơ:

+ Hồ sơ đăng ký phải nộp trực tiếp (*không nhận hồ sơ qua đường bưu điện*)

+ Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị cử đến và phải còn hiệu lực.

+ Không hoàn trả hồ sơ cho các đơn vị tổ chức đấu giá tài sản đã nộp hồ sơ.

Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết và đăng ký. /.

Nơi nhận:

- Sở TN & MT (B/cáo);

- Sở Tư Pháp;

- Cổng thông tin điện tử quốc gia về

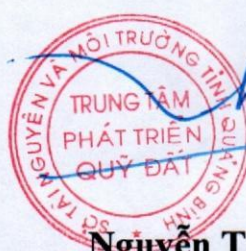
đấu giá tài sản địa chỉ: <https://dgts.moj.gov.vn>;

- Trung tâm Thông tin TNMT (để đăng tải);

- Lãnh đạo TT;

- Lưu: VT, ĐGD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thanh

Phụ lục

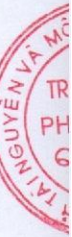
(Kèm theo Thông báo số **92**/TB-PTQĐ ngày **26** tháng **7** năm 2022
của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Bình)

1. Các thửa đất số 378 đến 375, tờ BĐDC số 31, có hướng Bắc, đường QH rộng 8,5m

TT	Ký hiệu lô	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-02	378	31	ODT	163,5	5.880	961.400	
2	CL-03	377	31	ODT	148,1	5.880	870.800	
3	CL-04	376	31	ODT	132,6	5.880	779.700	
4	CL-05	375	31	ODT	134,2	5.880	789.100	
Cộng: 04 lô					578,4		3.401.000	

2. Các thửa đất số 372 đến 359, tờ BĐDC số 31, có hướng Nam, đường QH rộng 8,5m

TT	Ký hiệu lô	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-07	372	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
2	CL-08	371	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
3	CL-09	370	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
4	CL-10	369	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
5	CL-11	368	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
6	CL-12	367	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
7	CL-13	366	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
8	CL-14	365	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
9	CL-15	364	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
10	CL-16	363	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
11	CL-17	362	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
12	CL-18	361	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
13	CL-19	360	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
14	CL-20	359	31	ODT	135,0	6.468	873.200	
Cộng: 14 lô					1.890,0		12.224.800	



3. Các thửa đất số 357 đến 349, tờ BĐDC số 31, hướng Bắc

TT	QH	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-22	357	31	ODT	158,0	4.870	769.500	
2	CL-23	356	31	ODT	138,9	4.870	676.400	
3	CL-24	355	31	ODT	135,0	4.870	657.500	
4	CL-25	354	31	ODT	135,0	4.870	657.500	
5	CL-26	353	31	ODT	135,0	4.870	657.500	
6	CL-27	352	31	ODT	135,0	4.870	657.500	
7	CL-28	351	31	ODT	135,0	4.870	657.500	
8	CL-29	350	31	ODT	135,0	4.870	657.500	
9	CL-30	349	31	ODT	135,0	4.870	657.500	
Cộng: 09 lô					1.241,9		6.048.400	

4. Các thửa đất số 348 đến 345, tờ BĐDC số 31, có hướng Bắc, đường QH rộng 8,4m

TT	Ký hiệu lô	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-31	348	31	ODT	135,0	5.180	699.300	
2	CL-32	347	31	ODT	135,0	4.920	664.200	
3	CL-33	346	31	ODT	135,0	5.180	699.300	
4	CL-34	345	31	ODT	135,0	5.180	699.300	
Cộng: 04 lô					540,0		2.762.100	

5. Các thửa đất số 342, từ 339 đến 331, tờ BĐDC số 31, có hướng Đông, đường QH rộng 8,0m

TT	Ký hiệu lô	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-37	342	31	ODT	155,0	5.765	893.600	
2	CL-40	339	31	ODT	168,0	5.765	968.500	
3	CL-41	338	31	ODT	168,0	5.765	968.500	
4	CL-42	337	31	ODT	168,0	5.765	968.500	
5	CL-43	336	31	ODT	165,8	5.765	955.800	
6	CL-44	335	31	ODT	182,5	5.765	1.052.100	
7	CL-45	334	31	ODT	180,0	5.765	1.037.700	
8	CL-46	333	31	ODT	183,5	5.765	1.057.900	
9	CL-47	332	31	ODT	187,0	5.765	1.078.100	
10	CL-48	331	31	ODT	190,6	5.765	1.098.800	
Cộng: 10 lô					1.748,4		10.079.500	

6. Các thửa đất số 325 đến 318, tờ BĐDC số 31; thửa đất số 322 và 321, tờ BĐDC 28, có hướng Tây, đường QH rộng 6,5m

TT	QH	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-51	325	31	ODT	159,5	5.180	826.200	
2	CL-52	324	31	ODT	159,5	5.180	826.200	
3	CL-53	323	31	ODT	159,5	5.180	826.200	
4	CL-54	322	31	ODT	159,5	5.180	826.200	
5	CL-55	321	31	ODT	145,0	5.180	751.100	
6	CL-56	320	31	ODT	145,0	5.180	751.100	
7	CL-57	319	31	ODT	141,7	5.180	734.000	
8	CL-58	318	31	ODT	156,0	5.180	808.100	
9	CL-59	322	28	ODT	156,0	5.180	808.100	
10	CL-60	321	28	ODT	156,0	5.180	808.100	
Cộng: 10 lô					1.537,7		7.965.300	

7. Các thửa đất số 328 và 327, tờ BĐDC số 31, có hướng Đông, đường QH rộng 6,5m

TT	QH	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-62	328	31	ODT	172,5	4.915	847.800	
2	CL-63	327	31	ODT	189,2	4.915	929.900	
Cộng: 02 lô					361,7		1.777.700	

8. Các lô hai mặt tiền

8.1 Thửa đất số 379, tờ BĐDC số 31, có hướng Bắc, đường QH rộng 8,5m

TT	Ký hiệu lô	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-01	379	31	ODT	252,8	6.468	1.635.100	2 mặt tiền

8.2 Thửa đất số 373 và 358, 343, tờ BĐDC số 31, có hướng Nam, đường QH rộng 8,5m

TT	Ký hiệu lô	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-06	373	31	ODT	111,1	8.408	934.100	2 mặt tiền
2	CL-21	358	31	ODT	231,5	7.115	1.647.100	2 mặt tiền
3	CL-36	343	31	ODT	149,8	7.115	1.065.800	2 mặt tiền

8.3 Thửa đất số 344, tờ BĐDC số 31, có hướng Bắc, đường QH rộng 8,4m

TT	Ký hiệu lô	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-35	344	31	ODT	120,2	5.698	684.900	2 mặt tiền

8.4 Các thửa đất số 341, 340, 330, tờ BĐDC số 31, có hướng Đông, đường QH rộng 8,0m

TT	Ký hiệu lô	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-38	341	31	ODT	193,0	6.342	1.224.000	2 mặt tiền
2	CL-39	340	31	ODT	163,5	6.342	1.036.900	2 mặt tiền
3	CL-49	330	31	ODT	224,4	6.342	1.423.100	2 mặt tiền

8.5 Thửa đất số 326 tờ BĐDC số 31; có hướng Nam, đường QH rộng 6,5m

TT	QH	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-50	326	31	ODT	178,3	6.268	1.117.600	2 mặt tiền

8.6 Thửa đất số 329, tờ BĐDC số 31, có hướng Đông, đường QH rộng 6,5m

TT	QH	Thửa đất	Tờ BĐ	Mục đích SD	Diện tích (m ²)	Đơn giá (1.000đ/m ²)	Thành tiền (1.000đ) (làm tròn)	Ghi chú
1	CL-61	329	31	ODT	244,7	5.407	1.323.100	2 mặt tiền
Công: 10 lô					1.869,3		12.091.700	
Tổng cộng: 63 lô					9.767,4		56.350.500	

H. QU. HN.
 Lma